

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 15 - 6 - 2018

V/v “*Tranh chấp xin ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH KIÊN GIANG.
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Danh Pì Sách**.

- Các Hội Thẩm Nhân Dân: 1. Ông **Hà Ứng Cường**;

2. Bà **Huỳnh Phương Lan**.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Lý Văn Toán**- Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa*: Ông **Lâm Sễn**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 139/2018/TLST- HNGĐ, ngày 15 tháng 5 năm 2018, về việc: “*Tranh chấp xin ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 30 tháng 5 năm 2018, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Anh **Trần Văn H**, sinh năm: 1972 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Phước H, xã Mong Thọ B, huyện Châu Thành, Kiên Giang.

2. *Bị đơn*: Chị **Đặng Thị L**, sinh năm: 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Phước H, xã Mong Thọ B, huyện Châu Thành, Kiên Giang.

(Chị Linh có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 01 tháng 6 năm 2018)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Nguyên đơn anh Trần Văn H trình bày**: Vào năm 1994 anh và chị Đặng Thị L có tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng vợ chồng anh không có đăng ký kết

hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh có 02 người con chung: Trần Hữu H, sinh năm 1998 và Trần Kim H, sinh năm 1996 hiện nay các con anh đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung vợ chồng anh không có tạo lập được tài sản chung, về nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Qua thời gian chung sống thời gian đầu cuộc sống vợ chồng sống rất hạnh phúc, nhưng thời gian sau vợ chồng anh thường xảy ra mâu thuẫn, bất hòa ngày trầm trọng nên vợ chồng anh đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay.

Nay anh H xác thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hơn nhân không đạt nên anh làm đơn xin ly hôn gửi đến Tòa án yêu cầu giải quyết cho anh như sau:

- *Về hôn nhân*: Xin được ly hôn với vợ tên Đặng Thị L.

- *Về việc nuôi con chung*: Có 02 người con chung: **Trần Hữu H**, sinh năm 1998 và **Trần Kim H**, sinh năm 1996, hiện nay các con anh đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Bị đơn chị Đặng Thị L trình bày**: Chị và chồng chị tên Trần Văn H cưới nhau từ năm 1994, vợ chồng chị không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống chị với chồng chị có với nhau 02 người con chung tên Trần Hữu H, sinh năm 1998 và Trần Kim H, sinh năm 1996, hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung trong quá trình chung sống chị với chồng chị không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Sau khi cưới vợ chồng sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng thời gian sau vợ chồng anh thường xảy ra mâu thuẫn, bất hòa ngày trầm trọng và vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay.

Nay chồng chị có ý kiên muốn xin ly hôn với chị thì ý kiến của chị như sau:

- *Về hôn nhân*: Đồng ý ly hôn với anh **Trần Văn H**.

- *Về việc nuôi con chung*: Có 02 người con chung: **Trần Hữu H**, sinh năm 1998 và **Trần Kim H**, sinh năm 1996, hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Đặng Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Văn H thống nhất xét xử vắng mặt chị L, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 BLTTDS nên HĐXX xét xử vắng mặt chị L.

[2] Về thẩm quyền: Anh Trần Văn H xin được ly hôn với chị Đặng Thị L nên đây là vụ án tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn H xin được ly hôn với chị Đặng Thị L đều xác định anh chị chung sống với nhau từ năm 1994, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, nhưng hai người không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Và tại biên bản xác nhận ngày 02/5/2018 của UBND xã Mong Thọ B xác nhận từ năm 1994 đến nay anh H và chị L không có đăng ký kết hôn tại UBND xã là thật, nên đây là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý; Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và*

chồng”. Từ những căn cứ trên, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất không công nhận mối quan hệ giữa anh Trần Văn H và chị Đặng Thị L làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

[4] Về quan hệ con chung: Anh Trần Văn H và chị Đặng Thị L thống nhất có 02 người con chung tên với nhau 02 người con chung tên **Trần Hữu H**, sinh năm 1998 và **Trần Kim H**, sinh năm 1996, hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Anh Trần Văn Hải và chị Đặng Thị Linh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về quan hệ nợ chung: Anh Trần Văn H và chị Đặng Thị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH1, ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Buộc anh Trần Văn H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, anh H được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0003732, ngày 15 - 5 - 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 01 Điều 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ giữa anh Trần Văn H và chị Đặng Thị L không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Anh H, chị L có quyền đăng ký kết hôn mới theo quy định của luật hôn nhân & gia đình khi án có hiệu lực pháp luật. .

2- Về quan hệ con chung: Anh Trần Văn H và chị Đặng Thị L xác định có 02 người con chung tên: **Trần Hữu H**, sinh năm 1998 và **Trần Kim H**, sinh năm 1996, hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

3- Về quan hệ tài sản chung: Anh Trần Văn H và chị Đặng Thị L xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4- Về quan hệ nợ chung: Anh Trần Văn H và chị Đặng Thị L xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5- Về án phí: Buộc anh Trần Văn H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng, anh H được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0003732, ngày 15 - 5 - 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhân

- TAND Tỉnh Kiên Giang;
- VKS Huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm Phán - Chủ Tọa Phiên Tòa

Danh Pì Sách

